

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

Bản án số 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Tố Trinh

2. Ông Nguyễn Văn Liễu

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc *“ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX- ST ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, Gia Lai(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình tìm hiểu, chị và anh Tây lấy nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/12/2009. Trong quá trình chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có 01 con chung, nhưng đến năm 2016 anh T nảy sinh ra những tật xấu, bỏ nhà đi chơi bời, không chăm lo cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng chị có những mâu thuẫn dẫn đến giữa chị và anh T phải sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xét thấy chị và anh T

không còn tình cảm yêu thương vợ chồng như trước nữa nếu có tiếp tục chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tây trước pháp luật.

Về con: chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/12/2010, Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom và giáo dục cháu V. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án;

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84– Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật.

- *Về con:* Giao con Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/12/2010 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

-*Về án phí :* Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Tây như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn Tây không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng

đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Tây vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/12/2009. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có 01 con chung nhưng về sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tính tình vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, anh T đã sinh ra những tật xấu, không lo làm ăn để xây dựng gia đình. Vì vậy đã dẫn tới việc chị S và anh T phải sống ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị S và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa, nên yêu cầu ly hôn của chị S là chính đáng và có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi ở, điều kiện sống và tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị S thì được biết hiện nay anh Nguyễn Văn T đang sống cùng với bố mẹ mình tại tổ dân phố 2, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, công việc không ổn định, thường xuyên vắng nhà, quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị S và anh T cũng xảy ra mâu thuẫn một thời gian khá dài. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con: Chị S và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/12/2010. Khi ly hôn chị S yêu cầu được nuôi con chưa thành niên tên là cháu V và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị S mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V là phù hợp các Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và tại biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Hồng V cũng thể hiện nguyện vọng của cháu được sống cùng với mẹ nếu bố mẹ phải ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị S vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn T trước pháp luật.

- *Về con*: Giao con chung Nguyễn Hồng V, sinh ngày 19/12/2010 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Nguyễn Thị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết..

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006072 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Sáu đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 08/5/2019), còn anh Nguyễn Văn Tây có quyền kháng

cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Gia Lai(01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- UBND thị trấn Phú Túc (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (02 bản).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

